TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Thế H - Sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trần Thị O - Sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKNKTT: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ 3 khu phố 1, thị trấn C, huyện C1, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Mai Thế H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị O xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 05 tháng 11 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 11/2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Quá trình chung sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị O đã bỏ về ngoại sinh sống từ năm 2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị O.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Mai Trần Đức T, sinh ngày 20/01/2010 đang ở với anh H và Mai Trần Đức V, sinh ngày 09/5/2011 đang ở với chị O. Nguyện vọng của anh xin được nuôi cháu T. Giao cháu V cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 TAND huyện Nông Cống ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện Châu Thành. Tại TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị Trần Thị O khai như sau: Chị và anh H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng kỳ kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau nên năm 2014 chị đã đưa cháu V về bên ngoại ở khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh để ở cho đến nay. Nay anh H xin được ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Mai Trần Đức T, sinh ngày 20/01/2010 và Mai Trần Đức V, sinh ngày 09/5/2011. Nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu V, giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Về phía chị O đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị O. Về con chung: Giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng 2 bên đương sự không đặt ra nên không đề

nghị HĐXX xét. Về tài sản: Anh H và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị O đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Mai Thế Hg và chị Trần Thị O có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Sau khi mâu thuẫn, vợ chồng không tìm hướng giải quyết mà mỗi người một nơi. Chị O đã bỏ về ngoại ở từ năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị O không có thai. Quá trình giải quyết vụ án, chị O không về để Tòa án tiến hòa giải đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị O mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay anh H xin ly hôn, về phía chị O cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Xác định anh H và chị O có 02 con chung, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trần Đức T, sinh ngày 20/01/2010, chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trần Đức V, sinh ngày 09/5/2011. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không đặt ra. HĐXX xét thấy nguyện vọng của anh chị là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2. 3] Về tài sản và nợ chung: Anh H và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Anh Mai Thế H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24,

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, anh Mai Thế H được ly hôn chị Trần Thị O.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Trần Đức T, sinh ngày 20/01/2010 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Mai Trần Đức V, sinh ngày 09/5/2011 cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh, chị có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh H và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mai Thế H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002038 ngày 10/9/2019. Chấp nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị O được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND thị trấn C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình